

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyên– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoàng Y, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: ấp 1A, xã L2, huyện C, tỉnh L, tạm trú: ấp Đông, xã L1, huyện C, tỉnh L, (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Minh H, sinh năm 1991, cư trú tại: ấp 1A, xã L2, huyện C, tỉnh L, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng Y cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Chị Y và anh H tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L2 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01, ngày 26/10/2015. Hôn nhân của vợ chồng chị là tự nguyện, trước khi cưới nhau, chị và anh H có tìm hiểu nhau được một năm. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chị Y về chung sống bên gia đình anh H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị Y sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu, nhiều lần xúc phạm danh dự chị Y và gia đình chị Y. Chị Y có tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả, chị Y nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị Y

không hạnh phúc. Từ tháng 03/2020, chị Y và anh H không còn chung sống với nhau cho đến nay. Trong thời gian chị và anh H sống ly thân, anh H có tìm gặp chị để hàn gắn tình cảm nhưng chị Y không đồng ý. Chị Y nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Y và anh H được ly hôn.

Về con chung: chị Y và anh H chung sống có một người con chung tên Lê Hoàng Khánh T, sinh ngày 22/6/2016. Hiện nay, cháu Thương sống với chị Y. Khi ly hôn, chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thương, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị Y xác định không có.

Về nợ chung: chị Y xác định không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Minh H. Anh Lê Minh H không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của chị Y và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Hoàng Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh H, anh H có nơi cư trú tại ấp 1A, xã L2, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Lê Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về hôn nhân: chị Trần Thị Hoàng Y và anh Lê Minh H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L2 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01, ngày 26/10/2015, nên xác định hôn nhân giữa chị Y và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Y cho rằng vợ chồng chị sống hạnh phúc đến khi chị Y sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chăm lo cho vợ con, thường xuyên uống rượu, nhiều lần xúc phạm danh dự chị Y và gia đình chị Y. Chị Y và anh H không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không đến tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị Y và anh H đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh H không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh H.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống, chị Y và anh H có một người con chung tên Lê Hoàng Khánh T, sinh ngày 22/6/2016. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu Thương do chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị Y có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Thương, anh H không có ý kiến phản hồi đối với vấn đề này. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu Thương, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cháu Thương cho chị Y nuôi dưỡng. Chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Y trình bày chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh H không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hoàng Y về việc yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh H.

Về hôn nhân: chị Trần Thị Hoàng Y được ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: giao cho chị Trần Thị Hoàng Y nuôi dưỡng người con chung tên Lê Hoàng Khánh T, sinh ngày 22/6/2016. Anh Lê Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: chị Trần Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu số 0009010 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

